

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2019
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Thanh Chúc.

Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Thanh Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST –HNGĐ ngày 17/5/2019 ngày giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Gia H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Dương Minh K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn T sinh năm 1956. Vắng mặt

- Bà Đặng Thị Đ sinh năm 1957. Có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trương Gia H trình bày, yêu cầu như sau:

Vào tháng 01 năm 2015 chị và anh Dương Văn K có quen biết nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, được gia đình hai bên chấp nhận, chị H về sống bên chồng, khi mang thai thì cha mẹ chồng có xây nhà tường máy lợp tol cho vợ chồng ở riêng, thời gian chung sống vợ chồng thường hay cãi vã nhau, anh K đánh đập, xua đuổi mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng nên chị H và anh K ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn với anh K. Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Gia P sinh ngày 04/5/2017, vào ngày 29/8/2018 thì anh K đến nhà cha mẹ chị xin đưa bé P về chơi, được hai ngày thì anh K điện thoại nói rằng không trả con lại cho chị và hăm dọa giết chị nếu chị đến nhà bắt con lại nên chị sợ không dám đến thăm con, anh K và cha mẹ chồng chị nuôi con chị cho đến nay. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử bị đơn anh Dương Minh K trình bày, yêu cầu như sau:

Anh K và chị H quen biết nhau năm 2014 qua năm 2015 thì sống chung với nhau, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K đi làm ở thành Phố về không báo trước thì không thấy chị H ở nhà giữ con mà bỏ đi chơi để con cho cha mẹ nuôi nên từ đó vợ chồng chồng cự cãi nhau và ly thân, cha mẹ vợ kêu anh đem con về nuôi, nên anh mới đến rước con về nuôi từ ngày 25/8/2018 cho đến nay, bé P vẫn phát triển bình thường, thời gian ly thân H không đến thăm con. Nay anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Chị H nuôi con là anh không đồng ý, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi con vì hiện tại chị H không có nghề nghiệp mà đang đi học nghề, cha mẹ chị H phải nuôi chị H và nuôi đứa con riêng của chị H với chồng trước sinh năm 2013, vì vậy anh K thấy điều kiện anh K nuôi con tốt hơn, anh đã có nhà riêng và nuôi trồng thủy sản. Anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu chia, nợ chung không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Đ và ông Dương Văn T cùng trình bày: Thời gian K và H chung sống nhau, năm 2016 thì ông bà có xây nhà cấp 4 cho vợ chồng ở riêng kế bên, khi mâu thuẫn vợ chồng ly thân, H đem con về bên cha mẹ H, sau đó H bỏ đi, cha mẹ H mới kêu K đem con về nuôi, thời gian Tòa án mời giải quyết thì K đi thành phố làm, gửi con cho ông bà giữ hai tháng, hàng tháng K gửi tiền về nuôi cháu, hiện nay thì K đã về nuôi con, cháu bé vẫn phát triển bình thường, ông bà có cho đất nuôi tôm, nhà ông bà và nhà của K cũng như đất nuôi tôm liền kề nhau. Việc để cháu P cho H nuôi thì khó khăn hơn, ông bà đề nghị để cho K nuôi con.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận chị H và anh K là vợ chồng. Về con chung tên Trương Gia P sinh ngày 04/5/2017 hiện tại anh K đang nuôi, anh K có nhà riêng, nuôi trồng thủy sản để nuôi con, chị H thì đang đi học nghề, mặc khác chị H có một con riêng với chồng trước thì chị H cũng không trực tiếp nuôi mà do cha mẹ chị H nuôi, vì vậy điều kiện nuôi con cũng khó khăn, tuy nhiên theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng

tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nên đề nghị HĐXX xem xét buộc anh K giao cháu Trương Gia P sinh ngày 04/5/2017 cho chị H nuôi là phù hợp hơn để đảm bảo cuộc sống của con.

Về nợ chung, tài sản chung chị H và anh K không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp giữa chị H và anh K là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn anh K đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, Tòa án căn cứ vào Điều 227 ; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy chị H và anh K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000. Mặc dù tại phiên tòa chị H xác định mâu thuẫn giữa anh K và chị H là trầm trọng không hàn gắn được, anh K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H, Tòa án cũng không thể chấp nhận cho chị H và anh K ly hôn được vì vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận anh K và chị H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh K đều có nguyện vọng nuôi cháu Trương Gia P sinh ngày 04/5/2017, hiện tại anh K đang nuôi dưỡng cháu P.

Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định: “ *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Tòa án xét thấy hiện tại chị H không có nghề nghiệp, chị Hân đang học nghề, không có điều kiện kinh tế thì không thể trực tiếp nuôi con được, mặc khác chị H có 01 người con riêng sinh tháng 12/2013 với chồng cũ, nhưng chị H cũng không trực tiếp nuôi mà do cha mẹ chị H nuôi. Về phía anh K thì đã có nhà riêng chị H cũng thừa nhận, mặc khác anh K có điều kiện kinh tế là nuôi trồng thủy sản, thời gian ly thân anh K nuôi con đến nay khoảng 9 tháng, chị H không đến thăm con, bé Pt vẫn phát triển bình thường, hiện tại tình cảm giữa anh K và bé P gắn bó hơn, nếu giao con cho chị H nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của bé, ảnh hưởng đến sức khỏe của bé, vì vậy không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H, mà chấp nhận cho anh K được tiếp tục nuôi con là phù hợp hơn.

Anh K không yêu cầu cầu dưỡng nuôi con nên không xem xét.
[4]*Về tài sản chung*: Chị H và anh K không yêu cầu nên không xem xét.
[5]*Về nợ chung*: Chị H và anh K khai không có nên không xét.
[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.
[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9;14; 53; 81; 82;83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Trương Gia H và anh Dương Minh K là vợ chồng.

- *Về con chung*: Anh K được tiếp tục nuôi con tên Trương Gia P sinh ngày 04/5/2017. Anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị H và anh K khai không có nên không xét.

Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019220 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Chị H, anh K, bà Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thành vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh